**PHỤ LỤC**

*(Gửi kèm công văn số...............BCT-PVTM ngày...........tháng........năm 2019)*

**Danh sách cảnh báo**

**các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI,**

**chống lẩn tránh thuế**

*(Cập nhật đến 31 tháng 8 năm 2019)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Gỗ dán dùng nguyên liệu là gỗ cứng (1)** |
| **Tên tiếng Anh** | Hardwood plywood |
| **Mã HS tham khảo** | 4412.10.0500, 4412.31.0520, 4412.31.0540, 4412.31.0560,**4412.31.0620**, **4412.31.0640**, **4412.31.0660**, 4412.31.2510,4412.31.2520, **4412.31.2610**, **4412.31.2620**, 4412.31.4040,4412.31.4050, 4412.31.4060, 4412.31.4075, 4412.31.4080,**4412.31.4140**, **4412.31.4150**, 4412.31.4160, 4412.31.4180,4412.31.5125, 4412.31.5135, 4412.31.5155, 4412.31.5165,4412.31.5175, 4412.31.5235, 4412.31.5255, **4412.31.5265**,**4412.31.5275**, 4412.31.6000, **4412.31.6100**, 4412.31.9100,**4412.31.9200**, 4412.32.0520, 4412.32.0540, 4412.32.0565,4412.32.0570, 4412.32.0620, 4412.32.0640, 4412.32.0670,4412.32.2510, 4412.32.2525, 4412.32.2530, 4412.32.2610,4412.32.2630, 4412.32.3125, 4412.32.3135, 4412.32.3155,4412.32.3165, 4412.32.3175, 4412.32.3185, 4412.32.3235,4412.32.3255, 4412.32.3265, 4412.32.3275, 4412.32.3285,4412.32.5600, 4412.32.3235, 4412.32.3255, 4412.32.3265,4412.32.3275, 4412.32.3285, 4412.32.5700, 4412.94.1030,**4412.94.1050**, **4412.94.3105**, 4412.94.3111, 4412.94.3121,4412.94.3141, 4412.94.3161, **4412.94.3175**, 4412.94.4100,**4412.99.0600**, 4412.99.1020, **4412.99.1030**, **4412.99.1040**,4412.99.3110, 4412.99.3120, 4412.99.3130, 4412.99.3140,4412.99.3150, 4412.99.3160, **4412.99.3170**, 4412.99.4100,**4412.99.5115**, **4412.99.5710[[1]](#footnote-1).** |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **4** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **Miễn thuế - 8%** |
| **Thông tin diễn biến** | - Hoa Kỳ khởi xướng điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 12/2016. Áp thuế tạm thời từ tháng 6/2017, áp thuế chính thức tháng 12/2017.* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc là 183,36%. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 22,98% đến 194,90%.
* Tháng 9/2018, Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM đối với các sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc có lớp veneer bên ngoài làm từ gỗ thông.
* Tháng 11/2018, Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM bằng hình thức chuyển tải đối với các sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam trên cơ sở nghi ngờ công ty Finewood Việt Nam có các hành vi lẩn tránh thuế PVTM.
* Kim ngạch nhập khẩu gỗ dán của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đã giảm 57,06% từ 1,12 tỷ USD năm 2016 xuống 480,81 triệu USD năm 2017
* Kim ngạch nhập khẩu gỗ dán của Hoa Kỳ từ Việt Nam đã giảm 43% từ 33,43 triệu USD năm 2016 xuống 19,04 triệu USD năm 2017
* Kim ngạch nhập khẩu gỗ dán của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đã giảm 80,93% từ 414,56 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2017 xuống 79,1 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2018
* Kim ngạch nhập khẩu gỗ dán của Hoa Kỳ từ Việt Nam đã tăng 516,37% từ 11,39 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2017 lên 70,23 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2018
* Tuy nhiên, theo số liệu của Hải quan Việt Nam cung cấp, trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hoa Kỳ đối với các mã HS bị điều tra đạt 25,6 triệu USD.
 |
| **Cập nhật**  | * Theo số liệu của USITC, trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hoa Kỳ đối với các mã HS bị điều tra đạt 10,5 triệu USD, giảm 72% so với cùng kỳ năm 2018.
* Tuy nhiên, theo số liệu của Hải quan Việt Nam cung cấp, trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hoa Kỳ đối với các mã HS bị điều tra đạt 25,6 triệu USD.

Như vậy, hiện nay, đang có sự khác biệt giữa số liệu hải quan Việt Nam và hải quan Hoa Kỳ.* Hiện tại, Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP) đã tiến hành điều tra lẩn tránh thuế dưới hình thức chuyển tải đối với sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam và đang áp dụng biện pháp sơ bộ.
* Về nguyên tắc, trong vụ việc điều tra của CBP chỉ liên quan đến các doanh nghiệp bị điều tra. Do vậy, để tránh nguy cơ công ty bị điều tra đầu tư, thành lập công ty khác để tiếp tục xuất khẩu, cần theo dõi chặt chẽ số liệu về chủ đầu tư cũng như xuất nhập khẩu.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Đá nhân tạo (2)** |
| **Tên tiếng Anh** | Certain quartz surface products |
| **Mã HS tham khảo** | **6810.99.0010**, 6810.11.0010, 6810.11.0070, 6810.19.1200,6810.19.1400, 6810.19.5000, 6810.91.0000, 6810.99.0080,6815.99.4070, 2506.10.0010, 2506.10.0050, 2506.20.0010,2506.20.0080 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **Miễn thuế** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra CBPC và CTC đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 5/2018. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 9/2018, Thuế chính thức được áp dụng từ tháng 5/2019.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 265,81% đến 336,69%. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 45,32% đến 190,99%
* Tháng 5/2019, Hoa Kỳ tiếp tục khởi xướng điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm nhập khẩu từ Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ
* Kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đã tăng 55% từ 298,7 triệu USD năm 2016 lên 463,6 triệu USD năm 2017. Trong năm 2018, kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục tăng 25% lên mức 581,8 triệu USD.
* Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 89% so với cùng kỳ năm 2018 từ mức 216,5 triệu USD xuống còn 23,6 triệu USD.
* Kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Việt Nam giảm từ 57,9 triệu USD năm 2016 xuống còn 54,4 triệu USD năm 2017, tương đương mức giảm 6%. Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Việt Nam tiếp tục giảm 15% xuống còn 46,4 triệu USD.
* Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 20% so với cùng kỳ năm 2018 từ 21,6 triệu USD lên 26,1 triệu USD.
 |
| **Cập nhật**  | * Trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 15% so với cùng kỳ năm 2018 từ 28 triệu USD lên 32,2 triệu USD. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu đá nhân tạo của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm mạnh 84% so với cùng kỳ năm 2018 từ 285,7 triệu USD xuống còn 45,9 triệu USD.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Giá để đồ bằng sắt (3)** |
| **Tên tiếng Anh** | Steel Racks |
| **Mã HS tham khảo** | **7326.90.8688, 9403.20.0080; 9403.90.8041**; 7308.90.3000,7308.90.6000, 7308.90.9590; 9403.20.0090. |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **Miễn thuế - 2,9%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Tháng 6 năm 2018, Hoa Kỳ nhận được đơn khiếu nại của ngành sản xuất trong nước yêu cầu điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm giá để đồ bằng thép nhập khẩu từ Trung Quốc. Ngày 10 tháng 7 năm 2018, Hoa Kỳ khởi xướng điều tra vụ việc. Bị đơn bắt buộc trong vụ việc này là Nanjing Dongsheng Shelf Manufacturing Co., Ltd. (Nanjing Dongsheng) at Danyang Industrial Park, Jiangning District, Nanjing, Jiangsu, China. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc năm 2017 ước đạt 200 triệu USD.
* Ngày 3 tháng 12 năm 2018, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã công bố áp thuế chống trợ cấp sơ bộ từ 5,04% đến 150,49%. Ngày 04 tháng 3 năm 2019, DOC đã công bố áp thuế chống bán phá giá từ 18,08% đến 144,50%.
* Ngày 24 tháng 7 năm 2019, DOC đã ra phán quyết cuối cùng với biên độ phá giá từ 18,06 - 144.50% và biên độ trợ cấp từ 1.50- 102.23%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Việt Nam đối với 2 mã HS 9403.20.0080 và 9403.90.8041 đã tăng mạnh. Tổng kim ngạch nhập khẩu hai mã này đã tăng 117% từ 9,3 triệu USD lên 20,1 triệu USD.
 |
| **Cập nhật**  | * Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu hai mã này tiếp tục tăng 99% so với cùng kỳ năm 2018 từ 7,2 triệu USD lên 14,3 triệu USD.
* Do có sự gia tăng đột biến trong kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với sản phẩm giá để đồ bằng sắt từ Việt Nam, sản phẩm này có khả năng xảy ra nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống lẩn tránh thuế.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Đệm mút (4)** |
| **Tên tiếng Anh** | Mattress |
| **Mã HS tham khảo** | **9404.21.0010; 9404.21.0013**; **9404.29.1005; 9404.29.1013**;**9404.29.9085**; **9404.29.9087**; 9401.40.0000; 9401.90.5081;9404.21.0095; 9404.29.1095; 9404.29.9095 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **3 - 6%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Ngày 10 tháng 10 năm 2018, Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá (AD) đối với sản phẩm đệm (mattresses) của Trung Quốc và ra quyết định áp thuế sơ bộ vào tháng 05 năm 2019 với mức thuế chống bán phá giá từ 38,56% – 1.731,75%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu đệm của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đạt mức 544,6 triệu USD, tăng 25% so với năm 2017. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam chỉ đạt 294 nghìn USD.
* Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đệm của Hoa Kỳ từ Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng 14% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu đệm của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng đột biến lên 26,5 triệu USD, chủ yếu là sản phẩm có mã HS 9404.21.0013.
* Do có sự gia tăng đột biến trong kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với sản phẩm đệm từ Việt Nam, sản phẩm này có khả năng xảy ra nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống lẩn tránh thuế.
 |
| **Cập nhật**  | * Trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đệm của Hoa Kỳ từ Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng 14% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu đệm của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng đột biến lên 35 triệu USD, chủ yếu là sản phẩm có mã HS 9404.21.0013.
* Do có sự gia tăng đột biến trong kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với sản phẩm đệm từ Việt Nam, sản phẩm này có khả năng xảy ra nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống lẩn tránh thuế
 |
| **Mặt hàng** | **Xe đạp điện (5)** |
| **Tên tiếng Anh** | Electric Bicycles |
| **Mã HS tham khảo** | **8711.60.10, 8711.60.90** |
| **Thị trường xuất khẩu** | EU |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **2,5 %** |
| **Thông tin diễn biến** | * EU khởi xướng điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 12/2017. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 7/2018, thuế chính thức được áp dụng từ tháng 1/2019.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 10,3% đến 70,1%. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 3,9% đến 17,2%.
* Tháng 1/2019, Hiệp hội các Nhà sản xuất xe đạp châu Âu (EBMA) thông qua Thương vụ và Đại sứ quán Việt Nam tại Brucxell bày tỏ quan ngại về việc doanh nghiệp Fushida/Evergrand của Trung Quốc có dấu hiệu gian lận xuất xứ của Việt Nam để lẩn tránh biện pháp PVTM của EU áp dụng đối với sản phẩm Trung Quốc.
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Trung Quốc đã tăng 32,64% từ 522,2 triệu EUR năm 2017 lên 692,7 triệu EUR năm 2018
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Việt Nam đã tăng 24,6% từ 59,39 triệu EUR năm 2017 lên 74,03triệu EUR năm 2018.
* 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Trung Quốc giảm -19% so với cùng kỳ năm 2018, từ 284,52 triệu EUR xuống 229,79 triệu EUR
* 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng 49% so với cùng kỳ năm 2018, từ 37,38 triệu EUR lên 55,51 triệu EUR.
 |
| **Cập nhật**  | * - Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Trung Quốc đã tăng 33% từ 522,254,753 triệu EUR năm 2017 lên 692,758,625 triệu EUR năm 2018
* - Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Việt Nam đã tăng 25% từ 59,390,155 triệu EUR năm 2017 lên 74,038,918 triệu EUR năm 2018.
* - 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Trung Quốc giảm -15% so với cùng kỳ năm 2018, từ 347,397 triệu EUR xuống 294,838 triệu EUR.
* 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm xe đạp điện của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng 43% so với cùng kỳ năm 2018, từ 44,092 triệu EUR lên 62,986 triệu EUR.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Lốp xe tải và xe khách (6)** |
| **Tên tiếng Anh** | Tyres for buses or lorries (new and retreaded) |
| **Mã HS tham khảo** | **4011.20.90, 4012.12.00** |
| **Thị trường xuất khẩu** | EU |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * EU khởi xướng điều tra CBPG đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 8/2017, khởi xướng điều tra CTC vào tháng 10/2017. Thuế CBPG tạm thời được áp dụng từ tháng 5/2018. Thuế CTC tạm thời được áp dụng từ tháng 7/2018. Thuế CBPG và CTC chính thức được áp dụng từ tháng 11/2018.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 0 euro đến 38,98 euro/chiếc. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 3,75 euro đến 57,28 euro/chiếc.
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm lốp xe tải và xe khách của EU từ Trung Quốc đã giảm 47% từ 618,5 triệu EUR năm 2017 xuống 327,1 triệu EUR năm 2018;
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm lốp xe tải và xe khách của EU từ Việt Nam đã tăng từ 11,7 nghìn EUR năm 2016 lên 109,3 nghìn EUR năm 2017 và 21,1 triệu EUR năm 2018;
* Năm tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm lốp xe tải và xe khách của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng lên 30,1 triệu EUR so với từ 514,8 nghìn EUR trong cùng kỳ năm 2018.
* Kim ngạch xuất khẩu lốp xe tải và xe khách của Việt Nam sang EU tăng nhanh trùng với thời điểm sản phẩm này bị EU áp thuế CBPG và CTC khi nhập khẩu từ Trung Quốc có thể dẫn đến khả năng xảy ra nguy cơ sản phẩm này bị điều tra phòng vệ thương mại hoặc lẩn tránh thuế.
 |
| **Cập nhật**  | * - Sáu tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm lốp xe tải và xe khách của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng lên 36,9 triệu EUR so với từ 2,5 triệu EUR trong cùng kỳ năm 2018.
* - Trong khi, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm lốp xe tải và xe khách của EU từ Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 86,7 triệu Euro, giảm từ 253,5 triệu EUR tính trong 6 tháng đầu năm 2018.
 |
| **Mặt hàng** | **Thép chống ăn mòn (7)** |
| **Tên tiếng Anh** | CORROSION-RESISTANT STEEL SHEET (CORE) |
| **Mã HS tham khảo****(***HS của hải quan Canada)* | *7210.30.00.00; 7210.69.00.10; 7212.50.00.14; 7210.49.00.10;**7210.69.00.20; 7225.91.00.00; 7210.49.00.20; 7212.20.00.00;**7225.92.00.00; 7210.49.00.30; 7212.30.00.00; 7226.99.00.10;**7210.61.00.00; 7212.50.00.00.* |
| **Thị trường xuất khẩu** | Canada |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc, Đài Loan – Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0 - 20% (Bắt đầu từ 2019 là 0 - 13.6% theo hiệp định CPTPP)** |
| **Thông tin diễn biến** | * Ngày 26 tháng 7 năm 2018, Canada đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá thép chống ăn mòn (CORE) nhập khẩu từ Trung Quốc, vùng lãnh thổ Đài Loan, Ấn Độ và Hàn Quốc.
* Ngày 22 tháng 1 năm 2019, Canada đã ban hành kết luận cuối cùng trong đó xác đinh biên độ bán phá giá như sau:

+ Hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc: 3.6% - 53.3%;+ Hàng hóa nhập khẩu từ vùng lãnh thổ Đài Loan: 3.2% - 33.2%;+ Hàng hóa nhập khẩu từ Ấn Độ: 40%;+ Hàng hóa nhập khẩu từ Hàn Quốc: 9% - 40%.* Ngày 8 tháng 3 năm 2019, Canada ban hành quyết định về thiệt hại trong đó xác định hàng hóa bán phá giá đe dọa gây thiệt hại đáng kể tới ngành sản xuất trong nước.
* So với cùng kỳ tháng 1-5/2018, giá trị xuất khẩu sản phẩm bị điều tra từ các nước/vùng lãnh thổ bị điều tra đều giảm mạnh (từ 45% -99%); trong khi đó, sản phẩm này xuất khẩu từ Việt Nam tăng đột biến (4103%).
* Trong năm 2018, Việt Nam chỉ xuất khẩu khoảng 2,9 triệu đô la Canada sản phẩm thép CORE. Tuy nhiên, trong 05 tháng 2019, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 93 triệu đô la Canada sản phẩm này.
* Lượng xuất khẩu tăng đột biến của Việt Nam bắt đầu từ tháng 1 năm 2019 (thời điểm Canada ban hành kết luận cuối cùng trong vụ việc) với 14 triệu đô la Canada.

Tốc độ gia tăng giá trị xuất khẩu đột biến trong tháng 4 và tháng 5/2019. Tháng 4 tăng 90% so với tháng 3 và tháng 5 tăng 2594% so với tháng 4.- Hiện nay, Thương vụ Việt Nam tại Canada đã cảnh báo khả năng xảy ra nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống lẩn tránh thuế do tốc độ gia tăng quá nhanh của hàng xuất khẩu. |
| **Cập nhật**  | * Trong 7 tháng đầu năm 2019, Canada nhập khẩu 109,3 triệu đô la Canada sản phẩm thép chống ăn mòn từ Việt Nam so với cùng kỳ năm 2018 đạt 2,5 triệu đô la Canada, tăng 4190%. Trong đó, mã HS 721049 là mã chiếm tỉ trọng lớn nhất với 98,2 triệu đô la Canada nhập khẩu vào nước này năm 2019, tăng 3932,6% so với cùng kỳ năm 2018.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Vành thép không gỉ (8)** |
| **Tên tiếng Anh** | Stainless Steel Flanges |
| **Mã HS tham khảo** | **7307.21.1000; 7307.21.5000** |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc, Ấn Độ |
| **Mức độ cảnh báo** | **2** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **3,3 – 5,6 %** |
| **Thông tin diễn biến** | * Sản phẩm vành thép không gỉ nhập khẩu từ Trung Quốc hiện đang bị áp thuế chống trợ cấp ở mức 174,73% từ tháng 4 năm 2018 và bị áp thuế chống bán phá giá ở mức 257,11% từ tháng 7 năm 2018.
* Sản phẩm vành thép không gỉ nhập khẩu từ Ấn Độ hiện đang bị áp thuế chống trợ cấp ở mức 4,92%-256,16% từ tháng 8 năm 2018 và bị áp thuế chống bán phá giá ở mức 19,16%-145,25%. từ tháng 8 năm 2018.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với sản phẩm vành thép không gỉ từ Trung Quốc đạt 21,8 triệu USD, giảm 3% so với năm 2017. Hoa Kỳ cũng nhập khẩu 42,5 triệu USD sản phẩm này từ Ấn Độ, giảm 7% so với năm 2017. Trong khi đó, Việt Nam xuất khẩu 7,8 triệu USD các sản phẩm này sang Hoa Kỳ, tăng 98% so với năm 2017.
* Năm tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục giảm 38% xuống còn 5,2 triệu USD. Nhập khẩu từ Ấn Độ và Việt Nam tăng lần lượt là 72% và 77%, đạt kim ngạch tương ứng là 29,5 và 3,7 triệu USD.
* Mặc dù kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này từ Việt Nam của Hoa Kỳ vẫn chưa lớn tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng cao trong 2 năm gần đây, mặt hàng này có khả năng xuất hiện nguy cơ bị khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế hoặc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại
 |
| **Cập nhật**  | * Sáu tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục giảm 40% so với cùng kỳ năm 2018, đạt mức 6,2 triệu USD. Nhập khẩu từ Ấn Độ và Việt Nam tăng lần lượt là 88% và 55% so với cùng kỳ, đạt kim ngạch tương ứng là 34,7 và 4,8 triệu USD.
* Mặc dù kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này từ Việt Nam của Hoa Kỳ vẫn chưa lớn tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng cao trong 2 năm gần đây, mặt hàng này có khả năng xuất hiện nguy cơ bị khởi xướng điều tra chống lẩn tránh thuế hoặc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Thép tấm cán nóng (9)** |
| **Tên tiếng Anh** | Hot-rolled flat products of iron, non-alloy or other alloy steel |
| **Mã HS tham khảo** | 7208.10.00, 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.00, 7208.36.00,7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.00, 7208.40.00, 7208.52.10,7208.52.99, 7208.53.10, 7208.53.90, 7208.54.00, 7211.13.00,7211.14.00, 7211.19.00, 7225.19.10, 7225.30.90, 7225.40.60,7225.40.90, 7226.19.10, 7226.91.91, 7226.91.99. |
| **Thị trường xuất khẩu** | EU |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **2** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * EU khởi xướng điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 5/2016. Thuế chính thức được áp dụng từ tháng 6/2017.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 0 đến 31,3%. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 4,6% đến 35,9%.
* Tháng 7/2016, EU tiếp tục khởi xướng điều tra CBPG đối với sản phẩm nhập khẩu từ Bra-xin, I-ran, Nga, Séc-bi, U-crai-na. Thuế chính thức được áp dụng từ tháng 10/2017. Mức thuế CBPG từ 17,6 euro đến 96,5 euro/tấn.
* Tháng 3/2018, EU khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với các sản phẩm thép, theo đó, biện pháp tự vệ tạm thời được áp dụng từ tháng 7/2018 và biện pháp tự vệ chính thức được áp dụng từ tháng 2/2019. Thép tấm cán nóng của Việt Nam thuộc nhóm mặt hàng thép được loại trừ áp dụng biện pháp tự vệ theo quyết định này.
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép tấm cán nóng của EU từ Việt Nam năm 2018 đã tăng từ 38,1 nghìn EUR năm 2016 lên 11,67 triệu EUR năm 2018. Năm tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép tấm cán nóng của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng 455,35% so với cùng kỳ năm 2018, từ 4,86 triệu EUR lên 26,99 triệu EUR.
* Hai công ty xuất khẩu theo số liệu của hải quan Việt Nam đều sản xuất được thép cán nóng. Tuy nhiên, nếu xuất khẩu thép cán nóng của Việt Nam sang EU tiếp tục tăng cao trong thời gian tới thì có khả năng xảy ra nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại.
 |
| **Cập nhật**  | * Sáu tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép tấm cán nóng của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng 453,4% so với cùng kỳ năm 2018, từ 4,86 triệu EUR lên 27 triệu EUR.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Sản phẩm đúc bằng gang (10)** |
| **Tên tiếng Anh** | Certain cast iron articles |
| **Mã HS tham khảo** | 7325.10.00, 7325.99.90 |
| **Thị trường xuất khẩu** | EU |
| **Quốc gia/vùng lãnh****thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc, Ấn Độ |
| **Mức độ cảnh báo** | **1** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * EU khởi xướng điều tra CBPG đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 12/2016. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 8/2017, thuế chính thức được áp dụng từ tháng 2/2019.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 15,5% đến

38,1%.* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm đúc bằng gang của EU từ Trung Quốc: đã giảm 9,41% từ 297,2 triệu EUR năm 2016 xuống 269,3 triệu EUR năm 2018; giảm 11% từ 303,8 triệu EUR năm 2017 xuống 269,3 triệu EUR năm 2018;
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm đúc bằng gang của EU từ Việt Nam: đã tăng 92,7% từ 1,9 triệu EUR năm 2016 lên 3,8 triệu EUR năm 2018; tăng 14% từ 3,3 triệu EUR năm 2017 lên 3,8 triệu EUR năm 2018; tăng 69% từ 1,9 triệu EUR lên 3,3 triệu EUR năm 2017.
* 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm đúc bằng gang của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng 190,5% so với cùng kỳ năm 2018, từ 1,04 triệu EUR lên 3,03 triệu EUR.
* Do kim ngạch xuất khẩu sản phẩm đúc bằng gang của EU từ Việt Nam còn thấp nên chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Tuy nhiên do kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của EU từ Trung Quốc có xu hướng giảm, do đó vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |
| **Cập nhật**  | * Sáu tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm đúc bằng gang của EU từ Việt Nam tiếp tục tăng 182,2 % so với cùng kỳ năm 2018, từ 1,24 triệu EUR lên 3,5 triệu EUR.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Xơ sợi tổng hợp (xơ mảnh) (11)** |
| **Tên tiếng Anh** | Fine denier synthetic staple fiber |
| **Mã HS tham khảo** | **5503.20.0025** |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan-Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **1** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **4,3 %** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra CBPG sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan và điều tra CTC sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ vào tháng 6/2017. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 10/2017, thuế chính thức được áp dụng từ tháng 7/2018.
* Trong vụ việc này, nguyên đơn cũng đã yêu cầu điều tra CBPG đối với sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam, sau đó rút lại đơn kiện.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 65,11% đến 103%, đối với sản phẩm Hàn Quốc từ 0 đến 45,23%, đối với sản phẩm Ấn Độ từ 14,48% đến 15,49%, đối với sản phẩm Đài Loan từ 0 đến 48,86%. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 37,75% đến 42,66%, đối với sản phẩm Ấn Độ từ 13,38% đến 27,36%.
* Kim ngạch nhập khẩu xơ sợi tổng hợp của Hoa Kỳ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc và Đài Loan năm 2017 lần lượt là 61,1 triệu USD, 23,2 triệu USD, 11,9 triệu USD và 7,6 triệu USD.
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ các nước/vùng lãnh thổ trên giảm mạnh trong năm 2018, lần lượt là 698,6 nghìn USD, 10,5 triệu USD, 3,6 triệu USD và 5,9 triệu USD.
* Kim ngạch nhập khẩu xơ sợi tổng hợp của Hoa Kỳ từ Việt Nam đã tăng 120,5% từ 2,3 triệu USD năm 2017 lên 5 triệu USD năm 2018
* 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu xơ sợi tổng hợp của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 78,6% so với cùng kỳ năm 2018 xuống còn 121 nghìn USD, từ Hàn Quốc tăng 106,1% so với cùng kỳ năm 2018 lên 2,5 triệu USD, từ Đài Loan tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2018 lên 2,8 triệu USD, từ Ấn Độ giảm 94,9% so với cùng kỳ năm 2018 xuống 298,9 nghìn USD.
* 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu xơ sợi tổng hợp của Hoa Kỳ từ Việt Nam giảm 17,3 % so với cùng kỳ năm 2018, từ 1,4 triệu USD xuống 1,1 triệu USD.
* Tuy kim ngạch nhập khẩu sản phẩm của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng mạnh trong năm 2018 nhưng trong 5 tháng đầu năm kim ngạch lại giảm. Xu hướng biến động của kim ngạch không ổn định và giá trị chưa cao. Vì vậy, chưa có khả năng xảy ra nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống lẩn tránh thuế và cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |
| **Cập nhật**  | * - 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu xơ sợi tổng hợp của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 75,3% so với cùng kỳ năm 2018 xuống còn 146 nghìn USD, từ Hàn Quốc tăng 111,2% so với cùng kỳ năm 2018 lên 3,1 triệu USD, từ Đài Loan giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2018 xuống còn 3 triệu USD, từ Ấn Độ giảm 94% so với cùng kỳ năm 2018 xuống 439,9 nghìn USD.
* - 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu xơ sợi tổng hợp của Hoa Kỳ từ Việt Nam giảm 22,6 % so với cùng kỳ năm 2018, từ 1,7 triệu USD xuống 1,3 triệu USD.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Thép chống ăn mòn (12)** |
| **Tên tiếng Anh** | Corrosion resistant steel |
| **Mã HS tham khảo** | 7210.41.00, 7210.49.00, 7210. 61.00, 7210.69.00, 7212.30.00,7212.50.61, 7212.50.69, 7225.92.00, 7225.99.00, 7226.99.00,7226.99.30, 7226.99.70 |
| **Thị trường xuất khẩu** | EU |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **1** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * EU khởi xướng điều tra CBPG đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 9/2016. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 8/2017. Thuế chính thức được áp dụng từ tháng 2/2018.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 17,2% đến

27,9%.* Tháng 3/2018, EU khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với các sản phẩm thép, trong đó có các sản phẩm thép ăn mòn. Biện pháp tự vệ tạm thời được áp dụng từ tháng 7/2018, biện pháp tự vệ chính thức được áp dụng từ tháng 2/2019.
* Biện pháp tự vệ chính thức được áp dụng dưới hình thức hạn ngạch thuế quan với mức hạn ngạch là 2.351.329 tấn/năm, thuế suất ngoài hạn ngạch là 25%. Cả Việt Nam và Trung Quốc đều nằm trong pham vi áp dụng của biện pháp.
* Hoa Kỳ đã khởi xướng điều tra 3 vụ việc chống lẩn tránh thuế đối với sản phẩm CRS của Việt Nam trong năm 2017 và 2018. Trong cả ba vụ việc, Hoa Kỳ đều không coi sản phẩm thép chống ăn mòn sản xuất tại Việt Nam là có sự chuyển đổi đáng kể nếu như sử dụng nguyên liệu là thép cán nóng nhập khẩu từ các nước đã bị Hoa Kỳ áp dụng biện pháp PVTM. Vì vậy, có rủi ro nếu EU cũng áp dụng cách tiếp cận của Hoa Kỳ khi tiến hành điều tra chống lẩn tránh đối với các sản phẩm thép chống ăn mòn sản xuất tại Việt Nam.
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép chống ăn mòn của EU từ Trung Quốc năm 2018 đã giảm 18,68% (từ 1.099 triệu EUR năm 2016 xuống 894,2 triệu EUR năm 2018) và giảm 31,04% so với mức 1.296 triệu EUR năm 2017.

+ Kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2017 đã tăng 17,9% so với năm 2016, từ 1.099 triệu EUR lên 1.296 triệu EUR.* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép chống ăn mòn của EU từ Việt Nam năm 2018 đã tăng 54.829% so với năm 2016 (từ 380 nghìn EUR năm 2016 lên 209 triệu EUR năm 2018) và tăng 56,53% so với mức 133,6 triệu EUR năm 2017.

+ Kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đã tăng từ 380 nghìn EUR năm 2016 lên 133,6 triệu EUR năm 20175 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép chống ăn mòn của EU từ Việt Nam giảm 75,87% so với cùng kỳ năm 2018, từ 97,42 triệu EUR năm 2018 xuống 23,5 triệu EUR năm 2019. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ giảm 0,74% từ 280,89 triệu EUR xuống còn 278,8 triệu EUR so với cùng kỳ năm 2018. |
| **Cập nhật**  | * Sáu tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép chống ăn mòn của EU từ Việt Nam giảm 80% so với cùng kỳ năm 2018, từ 126,77 triệu EUR năm 2018 xuống 25,27 triệu EUR năm 2019. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ giảm 27% từ 390,23 triệu EUR xuống còn 281,02 triệu EUR so với cùng kỳ năm 2018.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Ruy băng trang trí (13)** |
| **Tên tiếng Anh** | Certain plastic decorative ribbon |
| **Mã HS tham khảo** | **3920.20.0015, 3926.40.0010***;* 3920.10.0000; 3920.20.0055;3920.30.0000; 3920.43.5000; 3920.49.0000; 3920.62.0050;3920.62.0090; 3920.69.0000; 3921.90.1100; 3921.90.1500;3921.90.1910; 3921.90.1950; 3921.90.4010; 3921.90.4090;3926.90.9996; 5404.90.0000; 9505.90.4000; 4601.99.9000;4602.90.0000; 5609.00.3000; 5609.00.4000; 6307.90.9889 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **1** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **4,2 – 5,3 %** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 01/2018. Áp thuế tạm thời từ tháng 8/2018, áp thuế chính thức tháng 02/2019.
* Mức thuế CBPG đối với sản phẩm Trung Quốc từ 61,99% đến 370,04%. Mức thuế CTC đối với sản phẩm Trung Quốc từ 14,27% đến 94,67%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm ruy băng trang trí của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 35% so với năm 2017 từ 22,5 triệu USD xuống còn 14,6 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam chỉ ở mức 80 nghìn USD trong năm 2017 và 74,9 nghìn USD trong năm 2018.
* Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc và Việt Nam lần lượt ở mức 2,3 triệu USD và 109,8 nghìn USD.
* Chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Tuy nhiên do kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc liên tục giảm mạnh, do đó vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |
| **Cập nhật**  | * Trong 6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc và Việt Nam lần lượt ở mức 3,3 triệu USD và 129,7 nghìn USD.
* Chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Tuy nhiên do kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc liên tục giảm mạnh, do đó vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Thép tiền chế (14)**  |
| **Tên tiếng Anh** | **Fabricated Structural Steel** |
| **Mã HS tham khảo** | **7308.90.3000, 7308.90.6000, 7308.90.9590**, 7216.91.0010, 7216.91.0090, 7216.99.0010, 7216.99.0090, 7222.40.6000, 7228.70.6000, 7301.10.0000, 7301.20.1000, 7301.20.5000, 7308.40.0000, 7308.90.9530, 9406.90.0030 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | **3** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** |  **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép tiền chế nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 25 tháng 2 năm 2019.
* Ngày 3 tháng 9 năm 2019, Hoa Kỳ đã công bố mức thuế sơ bộ đối với sản phẩm Trung Quốc từ 0 đến 141,38%. Quyết định chính thức dự kiến sẽ được công bố vào ngày 23 tháng 1 năm 2020.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm thép tiền chế của Hoa Kỳ từ Trung Quốc xấp xỉ bằng với năm 2017 ở mức 838 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng nhẹ 9% từ 23,3 triệu USD năm 2017 lên 25,2 triệu USD trong năm 2018.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 45% trong khi kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 47% từ 12,9 triệu USD lên 18,9 triệu USD so với cùng kỳ năm 2018.
* Trong khi kim ngạch xuất khẩu sản phẩm thép tiền chế của Trung Quốc sang Hoa Kỳ đang giảm mạnh thì kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam lại tăng nhanh. Do đó, sản phẩm này cần được tiếp tục theo dõi nguy cơ bj điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Ống cơ khí bằng thép và hợp kim lạnh (15)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Cold-Drawn Mechanical Tubing of Carbon and Alloy Steel** |
| **Mã HS tham khảo** | **7304.31.3000, 7304.31.6050, 7304.51.1000, 7304.51.5005, 7304.51.5060, 7306.30.5015, 7306.30.5020, 7306.50.5030,**7306.30.1000, 7306.50.1000 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | **4** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 9 tháng 5 năm 2017.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc từ 44,90% đến 186,89% Mức thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm Trung Quốc từ 18,27% đến 21,41 %.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm ống cơ khí bằng thép và hợp kim lạnh của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 68% so với năm 2017 từ 38 triệu USD xuống còn 12,2 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng đột biến 107% từ 3,9 triệu USD năm 2017 lên 8,1 triệu USD trong năm 2018.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc và Việt Nam lần lượt ở mức 3,7 và 3,1 triệu USD, tương ứng mức giảm lần lượt là 56% và 33% so với cùng kỳ năm 2018.
* Trong năm 2017 và 2018, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm ống cơ khí bằng thép và hợp kim lạnh từ Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục tăng ở mức cao lần lượt là 191% và 107% trong khi kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Trung Quốc sang Hoa Kỳ lại có xu hướng giảm trong nhiều năm trở lại đây. Do đó, mặt hàng này có nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế hoặc các biện pháp phòng vệ thương mại.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Lá nhôm (16)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Aluminum Foil** |
| **Mã HS tham khảo** | **7607.11.3000, 7607.11.6000, 7607.11.9030, 7607.11.9060, 7607.11.9090, 7607.19.6000**Các mã có thể liên quan: 7606.11.3060, 7606.11.6000, 7606.12.3045, 7606.12.3055, 7606.12.3090, 7606.12.6000, 7606.91.3090, 7606.91.6080, 7606.92.3090, 7606.92.6080 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | **2** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **3 - 5,8%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 9 tháng 3 năm 2017. Áp thuế tạm thời từ tháng 8/2018, áp thuế chính thức tháng 02/2019.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc từ 48,64% đến 106,09%. Mức thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm Trung Quốc từ 17,14% đến 80,97
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm giấy nhôm của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 61% so với năm 2017 từ 409 triệu USD xuống còn 160 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam chỉ ở mức 116 nghìn USD trong năm 2017 và 5 nghìn USD trong năm 2018.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc ở mức 29 triệu USD, tương ứng mức giảm 69% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, không có ghi nhận về việc Việt Nam xuất khẩu sản phẩm này sang Hoa Kỳ trong thời gian này.
* Chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Tuy nhiên do kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc liên tục giảm mạnh, do đó vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Ghim đóng thùng (17)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Carton-Closing Staples** |
| **Mã HS tham khảo** | 8305.20.00.00, 7317.00.65.60 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc |
| **Mức độ cảnh báo** | 2 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **0%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 20 tháng 4 năm 2017. Áp thuế chính thức từ 2018.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc từ 115,65% đến 263,40%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Ghim đóng thùng của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tăng 20% so với năm 2017 từ 79,6 triệu USD lên 95,1 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam chỉ ở mức 10,1 nghìn USD trong năm 2017 và 97,3 nghìn USD trong năm 2018.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc ở mức 82,7 triệu USD, tương ứng mức giảm 5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, Việt Nam xuất khẩu 242 nghìn USD sản phẩm này sang Hoa Kỳ trong thời gian này, tăng 1345% so với cùng kỳ năm 2018 ở mức 16,8 nghìn USD.
* Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này từ Việt Nam sang Hoa Kỳ ở mức thấp, và cũng chưa thấy sự suy giảm mạnh trong kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc. Do đó, chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Sản phẩm này vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Gluconate natri (18)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Sodium Gluconate** |
| **Mã HS tham khảo** | 2918.16.5010, 2932.20.5020 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | **2** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **3,7%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 20 tháng 12 năm 2017, áp thuế chính thức 2018
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc là 213,15 %, biên độ trợ cấp được xác định ở mức 194,67%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Gluconate natri của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 54% so với năm 2017 từ 6,1 triệu USD xuống còn 2,8 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục giảm 61% từ 2,3 triệu USD xuống còn 930 nghìn USD so với cùng kỳ năm 2018.
* Từ 2014 tới hết 7 tháng đầu năm 2019, chưa có ghi nhận xuất khẩu mặt hàng này từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Do đó, chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Dù vậy, do kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Trung Quốc liên tục giảm mạnh, do đó vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Phụ kiện rèn bằng thép (19)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Forged Steel Fittings** |
| **Mã HS tham khảo** | 7307.99.1000, 7307.99.3000, 7307.99.5045, 7307.99.5060Các mã liên quan: 7307.92.3010, 7307.92.3030, 7307.92.9000, và 7326.19.0010 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | **2** |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **3,2 – 4,3%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 25 tháng 10 năm 2017. Lệnh áp thuế chính thức có hiệu lực từ 23 tháng 11 năm 2018.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc là 8 – 142,72%, biên độ trợ cấp được xác định ở mức 13,41%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Phụ kiện rèn bằng thép của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tăng 28% so với năm 2017 từ 101,9 triệu USD lên 130,8 triệu USD. Trong khi đó kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 112% so với cùng kỳ năm 2018 từ 3,6 triệu USD lên 7,7 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục giảm 14% từ 71,3 triệu USD xuống còn 61,1 triệu USD so với cùng kỳ năm 2018. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm cũng giảm 11% từ 4,1 triệu USD xuống còn 3,6 triệu USD.
* Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam sang Hoa Kỳ từ 2014 đến nay liên tục có những biến động tăng giảm bất thường, năm 2015 tăng 1078%, năm 2016 giảm 74%, năm 2017 tăng 1105% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, cần theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Tấm nhôm hợp kim thông dụng (20)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Common Alloy Aluminum Sheet** |
| **Mã HS tham khảo** | 7606.11.3060, 7606.11.6000, 7606.12.3090, 7606.12.6000, 7606.91.3090, 7606.91.6080, 7606.92.3090, 7606.92.6080 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc (Vụ việc A-570-073, C-570-074 Order date: 2/8/2019) |
| **Mức độ cảnh báo** | 3 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **2,7 – 6,5%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 4 tháng 12 năm 2017. Quyết định áp thuế chính thức của DOC có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2018.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc là 49,85% - 59,72%, biên độ trợ cấp được xác định ở mức từ 46,48% - 116,49%.
* Năm 2017, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Tấm nhôm hợp kim thông dụng của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tăng 48% so với năm 2016 từ 612,4 triệu USD lên 909 triệu USD. Trong khi đó kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 1696% so với cùng kỳ năm 2016 từ 63,9 nghìn USD lên 1,1 triệu USD.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Tấm nhôm hợp kim thông dụng của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 52% so với năm 2017 xuống còn 433 triệu USD. Trong khi đó kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 89% so với cùng kỳ năm 2017 lên 2,1 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục giảm 75% từ 382 triệu USD xuống còn 94,6 triệu USD so với cùng kỳ năm 2018. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm lại tăng 10% từ 1,1 triệu USD lên 1,2 triệu USD.
* Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam sang Hoa Kỳ từ 2014 đến nay liên tục tăng trong khi kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Hoa Kỳ lại liên tục giảm. Do đó, sản phẩm này có nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Dây thun (21)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Rubber Bands** |
| **Mã HS tham khảo** | 4016.99.3510Mã có thể liên quan: 4016.99.6050 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | 2 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **Miễn thuế** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 20 tháng 2 năm 2018. Lệnh áp thuế chính thức có hiệu lực từ ngày 4 tháng 1 năm 2019.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc là 27,27%, biên độ trợ cấp được xác định ở mức 125,77%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Dây thun của Hoa Kỳ từ Trung Quốc xấp xỉ bằng năm 2017 ở mức 4,9 triệu USD. Năm 2018, Hoa Kỳ cũng nhập khẩu từ Việt Nam 130 nghìn USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 56% từ 2,9 triệu USD xuống còn 1,3 triệu USD so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 1202% so với cùng kỳ năm 2018 từ 59 nghìn USD lên 771 nghìn USD.
* Mặc dù tỷ lệ tăng khá cao nhưng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam sang Hoa Kỳ ở mức tương đối thấp. Do đó sản phẩm cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Ống hàn đường kính lớn (22)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Large Diameter Welded Pipe** |
| **Mã HS tham khảo** | **7305.11.1030, 7305.11.1060, 7305.11.5000, 7305.12.1030, 7305.12.1060, 7305.12.5000, 7305.19.1030, 7305.19.1060, 7305.19.5000, 7305.31.4000, 7305.31.6010, 7305.31.6090, 7305.39.1000, 7305.39.5000** |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | 2 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | 0% |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 9 tháng 2 năm 2018. Quyết định áp thuế chính thức có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2018.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc là 132,63%, biên độ trợ cấp được xác định ở mức 198,49%.
* Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm Đường ống hàn lớn của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 62% so với năm 2017 từ 30,9 triệu USD xuống còn 11,8 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục giảm 65% từ 9,5 triệu USD xuống còn 3,3 triệu USD so với cùng kỳ năm 2018.
* Từ 2014 tới hết 7 tháng đầu năm 2019, chưa có ghi nhận xuất khẩu mặt hàng này từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Do đó, chưa có dấu hiệu rõ rệt cho thấy nguy cơ bị điều tra chống bán phá giá, chống lẩn tránh của sản phẩm này trong tương lai gần. Dù vậy, do kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Trung Quốc liên tục giảm mạnh, do đó vẫn cần tiếp tục theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Bánh xe thép (23)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Steel Wheels** |
| **Mã HS tham khảo** | 8708.70.4530, 8708.70.4560, 8708.70.6030, 8708.70.6060, 8716.90.5045, 8716.90.5059 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc  |
| **Mức độ cảnh báo** | 4 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **2,5 – 3,1%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 4/2018. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 8 năm 2018 đối với vụ việc điều tra chống trợ cấp và từ tháng 10 năm 2018 đối với vụ việc điều tra chống bán phá giá. Quyết định áp thuế chính thức có hiệu lực từ ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với cả hai vụ việc.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc là 231,70%. Mức thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm Trung Quốc từ 457,10%
* Kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đã tăng 23% từ 297,8 triệu USD năm 2016 lên 367,4 triệu USD năm 2017. Trong năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục tăng 27% lên mức 465 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 32% so với cùng kỳ năm 2018 từ mức 284,7 triệu USD xuống còn 194,8 triệu USD.
* Kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng từ 2,4 triệu USD năm 2016 lên 3,4 triệu USD năm 2017, tương đương mức tăng 39%. Trước đó, mức tăng của năm 2016 so với năm 2015 là 160%. Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Việt Nam tiếp tục tăng 108% lên 7,1 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 1138% so với cùng kỳ năm 2018 từ 1,6 triệu USD lên 19,8 triệu USD.
* Sự gia tăng trong kim ngạch xuất khẩu bánh xe thép của Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục tiếp diễn trong những năm gần đây, đặc biệt là 7 tháng đầu năm 2019 với sự gia tăng đột biến. Sản phẩm này có nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh thuế và các biện pháp phòng vệ thương mại
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Glycine (24)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Glycine** |
| **Mã HS tham khảo** | 2922.49.4020 và 2922.49.4300 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc (Vụ việc C–570–081 Order date: 6/21/2019) |
| **Mức độ cảnh báo** | 1 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **4,2%** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng ngày 17 tháng 4 năm 2018. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 8 năm 2018. Quyết định áp thuế chính thức có hiệu lực từ ngày 17 tháng 6 năm 2019.
* Mức thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm Trung Quốc là 144,01%
* Kim ngạch nhập khẩu Glycine của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đã liên tục tăng lần lượt là 1519% và 229% trong các năm 2016 và 2017 so với các năm trước đó với kim ngạch 337,3 nghìn USD năm 2016 và 1,2 triệu USD năm 2017. Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 94% đạt mức giá trị 71 nghìn USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu Glycin của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tăng 747% so với cùng kỳ năm 2018 từ mức 67,9 nghìn USD lên 575,1 nghìn USD.
* Từ 2014 tới nay chưa có ghi nhận việc xuất khẩu sản phẩm này từ Việt Nam sang Hoa Kỳ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Trung Quốc cũng ở mức thấp. Do đó cần theo dõi thêm.
 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mặt hàng** | **Xi lanh propane thép (25)** |
| **Tên tiếng Anh** | **Steel Propane Cylinders** |
| **Mã HS tham khảo** | 7311.00.0060 và 7311.00.0090 |
| **Thị trường xuất khẩu** | Hoa Kỳ |
| **Quốc gia/vùng lãnh thổ bị điều tra, áp thuế** | Trung Quốc (Vụ việc A-570-086 Order date: 8/15/2019) |
| **Mức độ cảnh báo** | 3 |
| **Mức thuế nhập khẩu đang áp dụng với hàng của Việt Nam** | **Miễn thuế** |
| **Thông tin diễn biến** | * Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc vào tháng 11 tháng 6 năm 2018. Thuế tạm thời được áp dụng từ tháng 12 năm 2018, Thuế chính thức được áp dụng từ ngày 25 tháng 4 năm 2019.
* Mức thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Trung Quốc từ 33.37% đến 108.60%.
* Kim ngạch nhập khẩu Xi lanh propane thép của Hoa Kỳ từ Trung Quốc đã tăng 47% từ 61,1 triệu USD năm 2016 lên 90 triệu USD năm 2017. Trong năm 2018, kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Trung Quốc tiếp tục tăng 7% lên mức 95,8 triệu USD.
* Trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu Xi lanh propane thép của Hoa Kỳ từ Trung Quốc giảm 21% so với cùng kỳ năm 2018 từ mức 56,2 triệu USD xuống còn 44,4 triệu USD.
* Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Hoa Kỳ từ Việt Nam là không đáng kể ở mức 90,2 nghìn USD năm 2016, 65,5 nghìn USD năm 2017 và 28,7 nghìn USD năm 2018. Tuy nhiên, trong 7 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu bánh xe thép của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng đột biến 2925% so với cùng kỳ năm 2018 từ 28 nghìn USD lên 869,5 nghìn USD.
* Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này của Việt Nam sang Hoa Kỳ là không cao, tuy nhiên đầu năm nay lại có sự gia tăng đột biến. Sản phẩm cần được tiếp tục theo dõi.
 |

1. Các mã HS in đậm là mã HS hải quan Hoa Kỳ ghi nhận nhập khẩu từ Việt Nam. [↑](#footnote-ref-1)